

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 338/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Cẩm T số tiền nợ 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận việc bà Trần Thị Cẩm T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Ghi nhận việc bà Trần Thị Cẩm T không yêu cầu bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Văn N trả nợ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50% là 237.500đ (Hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Bà Trần Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền nêu trên. Cụ thể:

Ông Nguyễn Văn N phải chịu số tiền 118.750đ (Một trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) nhưng do ông N là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Cẩm T phải chịu số tiền 118.750đ (Một trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 379.000đ (Ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011006 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho bà Trần Thị Cẩm T số tiền 260.250đ (Hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang